

PHỤ LỤC II:
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH VÀ NGOẠI NGỮ KHÁC

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1008/TB-DCT, ngày 12 tháng 08 năm 2026 của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	NGÔN NGỮ	CHỨNG CHỈ	TRÌNH ĐỘ/THANG ĐIỂM (Tương đương Bậc 4)
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400-489
			Đọc: 385-454
			Nói: 160-179
			Viết: 150-179
		Aptis ESOL	B2
		Chứng chỉ VSTEP	Bậc 4 trở lên
2	Tiếng Pháp	PTE (Pearson Test of English)	Từ 59 trở lên
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 3 trở lên
3	Tiếng Đức	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
4	Tiếng Trung Quốc	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
5	Tiếng Nhật	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
6	Tiếng Nga	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
8	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
<u>Lưu ý:</u> Chứng chỉ ngoại ngữ phải được thi trực tiếp tại các địa chỉ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đăng ký tổ chức thi và cấp chứng chỉ.			